

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG**

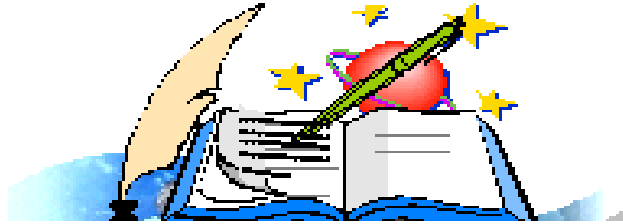
BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

Tên đề tài:

**MỘT SỐ HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN
THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC Ở
MÔN NGỮ VĂN TRƯỜNG THPT**

Lĩnh vực: Ngữ văn

Năm học: 2025-20226



Người thực hiện: Huỳnh Thị Hồng Lam

Chức vụ: Giáo viên

Đơn vị công tác: THPT Hùng Vương

Tổ: Ngữ văn

Đà Nẵng, tháng 3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**1. Tên sáng kiến**

Một số hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên theo định hướng phát triển năng lực người học ở môn Ngữ văn trường THPT

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến

Môn Ngữ văn

3. Tác giả sáng kiến

Huỳnh Thị Hồng Lam

Sinh ngày 04/03/1984

Nơi công tác: trường THPT Hùng Vương, Tp Đà Nẵng

Chức vụ: giáo viên

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngữ Văn

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

Trường THPT Hùng Vương

5. Thời điểm sáng kiến được áp dụng lần đầu

Sáng kiến được áp dụng từ ngày 7/9/2025.

6. Thực trạng trước khi áp dụng sáng kiến

Thực hiện đổi mới theo yêu cầu của chương trình Giáo dục 2018, ngành giáo dục đã có nhiều chủ trương đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Tuy nhiên, trong thực tế giảng dạy ở trường THPT, việc kiểm tra đánh giá vẫn còn một số hạn chế nhất định.

6.1. Về hình thức và nội dung kiểm tra, đánh giá

Các hình thức kiểm tra chủ yếu vẫn là kiểm tra miệng (vấn đáp) và viết trên giấy. Ít sử dụng các hình thức đánh giá đa dạng như: dự án học tập, sản phẩm sáng tạo, thuyết trình, sơ đồ tư duy, ...

Việc đánh giá thường tập trung vào kết quả cuối cùng, chưa chú trọng nhiều đến quá trình học tập của học sinh., nhất là những em có lực học chưa tốt.

6.2. Về phía giáo viên

Một số giáo viên chưa mạnh dạn đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá, còn quen với các phương pháp truyền thống. Việc thiết kế các công cụ đánh giá năng lực như rubric, phiếu học tập, bảng tiêu chí đánh giá... còn hạn chế.

Giáo viên còn gặp khó khăn trong việc tổ chức các hình thức đánh giá mới do áp lực thời gian. Có trường hợp giáo viên lúng túng trong việc chọn hình thức

và nội dung và thời điểm kiểm tra nên còn phân bố thời gian các lần kiểm tra chưa hợp lí dẫn đến bài kiểm tra thường dồn về cuối kì, gây quá tải cho học sinh.

6.3. Về phía học sinh

Học sinh vẫn có tâm lý học để thi, chú trọng ghi nhớ kiến thức hơn là phát triển năng lực. Nhiều học sinh chưa quen với các hình thức đánh giá mới như thuyết trình, làm dự án, làm sản phẩm học tập. Kỹ năng tự học, hợp tác, trình bày ý tưởng của học sinh còn hạn chế.

Việc kiểm tra với một số cột điểm nhất định chưa phản ánh đầy đủ năng lực thực sự của học sinh, chưa tạo được nhiều cơ hội để học sinh vận dụng kiến thức, phát triển tư duy và kỹ năng cũng như chưa tạo được động lực cho các em có sự tiến bộ để hoạt động kiểm tra, đánh giá như một công cụ thúc đẩy quá trình học tập tích cực của học sinh.

Trước thực trạng đó và trước yêu cầu đổi mới kiểm tra đánh giá của chương trình, bản thân tôi mạnh dạn áp dụng việc hệ thống một số hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh ở khối lớp 10 và 12 của những lớp tôi được phân công giảng dạy ở trường THPT Hùng Vương.

7. Nội dung sáng kiến

7.1. Các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên theo định hướng phát triển năng lực người học ở môn Ngữ văn

Thực hiện thông tư 22/2021 TT- BGDĐT về việc đổi mới hình thức kiểm tra đánh nhằm giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội. Môn Ngữ văn chú trọng vào phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Bên cạnh việc rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe, môn Ngữ văn còn giúp học sinh phát triển tư duy hình tượng, tư duy logic, tư duy phản biện trên cơ sở tôn trọng, yêu mến giá trị của ngôn ngữ tiếng Việt, biết tạo lập các văn bản phù hợp với những mục đích khác nhau trong cuộc sống. Vừa phát huy tính văn học vừa lưu giữ tính thẩm mỹ hướng các em học sinh đến việc trân trọng cá tính, giữ gìn nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú góp phần tích cực cho sự phát triển xã hội

Để thực hiện mục tiêu đó việc giảng dạy bộ môn Ngữ văn ngoài việc giảng dạy tập trung phát triển các năng lực đặc thù và năng lực chuyên biệt của bộ môn thì việc tổ chức kiểm tra đánh giá cũng có vai trò quan trọng không kém. Trong khi kiểm tra đánh giá định kì theo kế hoạch chung của trường thì kiểm tra đánh giá thường xuyên chủ yếu do giáo viên bộ môn thực hiện nhằm đảm bảo các kỹ năng cơ bản của môn học: kỹ năng đọc hiểu văn bản, kỹ năng viết, kỹ năng nói và nghe, kỹ năng cảm thụ và sáng tạo văn học. Hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên không chỉ để lấy điểm số mà còn ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và là cơ sở để điều chỉnh linh hoạt, kịp thời phương pháp dạy học phù hợp với từng đơn vị bài học.

Dưới đây là các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên theo định hướng

phát triển năng lực người học ở môn Ngữ văn. Mỗi hình thức khi áp dụng đều cần phải đảm bảo điều kiện yêu cầu để thực hiện và mục đích của việc kiểm tra đánh giá.

7.1.1 Hỏi- đáp

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

+ Giáo viên chuẩn bị hệ thống câu hỏi phù hợp với nội dung bài học, tạo không khí thảo luận cởi mở, không nhất thiết phải mời học sinh lên bảng.

+ Học sinh được tạo cơ hội trình bày ý kiến. Học sinh hiểu và trả lời được câu hỏi.

+ Giáo viên có sự nhận xét, đánh giá cụ thể rõ ràng.

- Mục đích: Đánh giá khả năng hiểu bài, diễn đạt, tư duy và phản ứng nhanh của học sinh.

7.1.2 Phiếu học tập

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

+ Giáo viên thiết kế hệ thống câu hỏi dạng đọc hiểu rõ ràng, để học sinh dễ dàng hệ thống lại nội dung.

+ Học sinh thực hiện cá nhân hoặc thảo luận theo nhóm trình bày rõ ràng, khoa học.

+ Có bảng yêu cầu hướng dẫn chấm theo tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

- Mục đích: Kiểm tra khả năng đọc hiểu và tư duy phân tích của học sinh.

7.1.3 Thuyết trình, trình bày sản phẩm và phản hồi

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

+ Giáo viên giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà: nội dung và phương tiện trình bày (giấy, slide, sơ đồ tư duy...), theo nhóm hoặc cá nhân.

+ Hoạt động này thường tổ chức trong tiết nói và nghe, mỗi tiết nên cho 2 tổ trình bày để có thời gian thảo luận, tranh luận. Để có sự đánh giá công bằng trong nhóm ở hoạt động này giáo viên có thể chia điểm thành hai phần: điểm nội dung chung cho cả tổ và điểm trình bày theo từng cá nhân.

+ Học sinh trình bày rõ ràng, mạch lạc, logic, thuyết phục.

+ Có bảng yêu cầu hướng dẫn chấm theo tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

- Mục đích: Đánh giá năng lực nói, nghe và khả năng trình bày trước tập thể của học sinh.

7.1.4. Thảo luận nhóm

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

+ Giáo viên chuẩn bị nội dung và yêu cầu cho các nhóm thảo luận. Giáo viên gọi bất kì học sinh nào trong nhóm trình bày kết quả thảo luận để tất cả các thành viên trong nhóm đều có trách nhiệm theo dõi nắm chắc nội dung thảo luận.

+ Học sinh cùng thảo luận, cùng hợp tác, chia sẻ để giải quyết vấn đề và trình bày kết quả thảo luận.

+ Có bảng yêu cầu hướng dẫn chấm theo tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

- Mục đích: Đánh giá năng lực hợp tác, khả năng tư duy, tính chủ động, tích cực,... của học sinh.

7.1.5. Bài tập đọc hiểu ngắn

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

+ Giáo viên chuẩn bị đề đọc hiểu khoảng (4- 5 câu), về một đoạn văn bản/ văn bản ngắn thời gian làm bài khoảng 15 phút.

+ Học sinh nhận biết và phân tích được nội dung và chi tiết nghệ thuật của tác phẩm.

+ Có bảng yêu cầu hướng dẫn chấm theo tiêu chí cụ thể, rõ ràng.

- Mục đích: Đánh giá khả năng đọc hiểu, phân tích và cảm thụ tác phẩm.

7.1.6. Bài viết ngắn (viết đoạn văn)

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

+ Viết đoạn văn (khoảng 150- 200 chữ) nêu cảm nhận về nhân vật, chi tiết hoặc một vấn đề trong văn bản.

+ Học sinh được hướng dẫn cách viết đoạn, đảm bảo cấu trúc, diễn đạt mạch lạc, rõ ràng, có cảm xúc.

+ Có bảng yêu cầu hướng dẫn chấm theo tiêu chí rõ ràng.

- Mục đích: Đánh giá khả năng cảm thụ, phân tích, diễn đạt và tạo lập văn bản của học sinh.

7.1.7. Đóng vai nhân vật

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

+ Học sinh đóng vai các nhân vật trong một đoạn trích hoặc tác phẩm truyện thể hiện lời thoại, cảm xúc hành động của nhân vật, giúp hiểu sâu nhân vật và tác phẩm.

+ Giáo viên có sự nhận xét, đánh giá cụ thể rõ ràng.

- Mục đích: Tăng cường khả năng cảm thụ tác phẩm, tăng khả năng phối hợp, tương tác, tạo sự sinh động cho lớp học.

7.1.8. Bài tập về nhà

- Điều kiện, yêu cầu thực hiện:

- + Giáo viên giao nhiệm vụ rõ ràng, mở rộng hiểu biết nội dung, vấn đề liên quan đến nội dung bài học.
- + Học sinh rèn luyện thói quen tự học.
- + Có bảng yêu cầu hướng dẫn chấm theo tiêu chí cụ thể, rõ ràng.
- Mục đích: Phát triển năng lực tự học của học sinh.

7.2. Biện pháp thực hiện

Trong quá trình giảng dạy giáo viên cần linh hoạt sử dụng kết hợp nhiều hình thức khác nhau để đánh giá toàn diện năng lực học sinh.

- Xây dựng hệ thống các hình thức kiểm tra đánh giá theo từng đơn vị bài học. Có kế hoạch kiểm tra phù hợp với các hoạt động dạy học, hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ thực hiện phải phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của từng bài học. Câu hỏi nên đặt theo hướng phát triển năng lực đọc hiểu và tư duy của học sinh.

- Tăng cường sử dụng hoạt động nhóm, có thể nhóm nhỏ hoặc nhóm theo tổ, chú trọng tăng cường tư duy phân tích, hợp tác và phản biện của học sinh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá: sử dụng các công cụ trình chiếu, thu thập tư liệu tạo sự sinh động và sáng tạo trong giờ học.

- Kết hợp đánh giá của giáo viên và học sinh; học sinh tự đánh giá bài làm của mình, đánh giá bài làm của bạn.

- Giáo viên đánh giá sự tiến bộ của học sinh, giúp học sinh nhận ra điểm mạnh và hạn chế của mình, điều chỉnh phương pháp dạy học cho phù hợp.

- Hoạt động đánh giá được thực hiện thường xuyên, giáo viên có sự theo dõi và lựa chọn lấy những cột điểm phù hợp với yêu cầu cần đạt theo từng kỹ năng và sự tiến bộ của học sinh.

7.3. Hệ thống một số hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên theo định hướng phát triển năng lực người học trong chương trình Ngữ văn THPT

7.3.1. Một số hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên theo định hướng phát triển năng lực người học trong chương trình Ngữ văn 12

Đơn vị bài học	Yêu cầu cần đạt	Hình thức kiểm tra đánh giá đề xuất
Bài 1: Khả năng lớn lao của tiểu thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đặc điểm của thể loại tiểu thuyết: ngôn ngữ, tâm lí, hành động của nhân vật. - Phân tích nhân vật và bối cảnh trong tác phẩm. - Nhận biết và phân tích phép tu từ nói mỉa và nghịch ngữ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: những sự kiện, ý nghĩa của văn bản. - Lập sơ đồ về: sự kiện chính, ngôi kể, điểm nhìn, tình huống truyện. - Phiếu học tập: Trạng thái tâm lý thường nhật của Kiên, khuôn mặt của chiến tranh.

	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh hai tác phẩm tự sự. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm: Phân tích hiệu quả của biện pháp nói mỉa và nghịch ngữ. - Viết nhanh: viết đoạn văn về so sánh một khía cạnh của 2 tác phẩm truyện.
Bài 2: Những thể giới thơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện đặc điểm thơ trữ tình. - Phân tích hình tượng và cảm xúc thơ. - Nhận diện, phân tích tác dụng một số biện pháp tu từ. - So sánh hai văn bản thơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập: đọc hiểu phân tích hình ảnh thơ.. - Thảo luận nhóm: vẽ đẹp hình tượng người lính trong <i>Tây Tiến</i>. - Đọc hiểu ngắn: nhận biết, phân tích một số đặc điểm của văn bản thơ. - Thuyết trình về đánh giá so sánh hai tác phẩm thơ.
Bài 3: Lập luận trong văn bản nghị luận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các thao tác lập luận. - Phân tích hệ thống luận điểm, luận cứ. - Viết đoạn văn/ bài văn nghị luận xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: nhận diện luận đề, luận điểm, thái độ tác giả trong văn bản. - Phiếu học tập: luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng, các thao tác lập luận. - Bài về nhà: Viết bài nghị luận về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. - Thuyết trình một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
Bài 4: Yếu tố kì ảo trong truyện kể	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết yếu tố kì ảo trong truyện. - Phân tích nhân vật và vai trò của yếu tố kì ảo đối với thông điệp tác phẩm. - Nhận biết và phân tích tác dụng các yếu tố vay mượn trong văn học 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: nhận biết yếu tố kì ảo trong văn bản, tác dụng của yếu tố kì ảo. - Thảo luận nhóm: hoàn thành phiếu học tập về trải nghiệm và nhận thức của nhân vật ông Diều. - Bài về nhà: vẽ sơ đồ nhân vật ông Diều. - Viết đoạn văn phân tích một chi tiết vay mượn trong tác phẩm.
Bài 5: Tiếng cười của hài kịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các yếu tố tạo tiếng cười trong hài kịch. - Sử dụng hiệu quả hình ảnh minh họa, sơ đồ biểu đồ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập: Tình huống hài kịch, thủ pháp gây cười, các nhân vật gây cười.

	trong nghiên cứu một vấn đề về tự nhiên và xã hội.	- Thảo luận nhóm, thuyết trình về kết quả nghiên cứu một vấn đề xã hội.
Bài 6: Hồ Chí Minh – Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu quan điểm trong sáng tác của Hồ Chí Minh để có thể hiểu các sáng tác của Người. - Nhận biết vai trò của lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận . - Viết bài báo cáo dự án nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: trình bày quan điểm, phong cách sáng tác của Hồ Chí Minh; yếu tố cổ điển và hiện đại trong thơ của Bác. - Phiếu học tập: xác định luận điểm và luận cứ, các yếu tố biểu cảm trong lập luận. - Thuyết trình về bài tập dự án.
Bài 7. Sự thật trong tác phẩm kí	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tính phi hư cấu, các chi tiết, sự kiện hiện thực gắn với trải nghiệm, thái độ của tác giả. - Phân tích các sự kiện ảnh hưởng đến hoài bão của nhân vật tôi. - Hiểu và vận dụng ngôn ngữ trang trọng và thân mật vào đời sống. - Biết trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: tính phi hư cấu, các chi tiết sự kiện, thái độ của tác giả. - Sơ đồ tư duy về hành trình “Bước vào đời” của nhân vật tôi. - Thảo luận, bài viết ngắn về sử dụng ngôn ngữ thân mật và trang trọng. - Thuyết trình về một vấn đề xã hội.
Bài 8. Dữ liệu trong văn bản thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được đề tài, nội dung, thông tin cơ bản, mối liên hệ giữa các chi tiết. - Viết được thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập: về nội dung đề tài, các thông tin. - Bài về nhà: viết về một vấn đề đáng quan tâm. - Thảo luận nhóm, tranh biện về một vấn đề đáng quan tâm.
Bài 9. Văn học và cuộc đời	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, phân tích chủ đề, tư tưởng, thông điệp, giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của văn bản nghệ thuật. - Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một hoạt động xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu đọc hiểu một đoạn văn bản văn học. - Nhập vai nhân vật. - Thảo luận nhóm: viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào.

7.3.2. Một số hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên theo định hướng phát triển năng lực người học trong chương trình Ngữ văn 10

Đơn vị bài học	Yêu cầu cần đạt	Hình thức kiểm tra đánh giá đề xuất
Bài 1: Sức hấp dẫn của truyện kể	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đặc điểm truyện kể. - Phân tích cốt truyện và nhân vật. - Hiểu ý nghĩa của văn bản tự sự. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: tóm tắt cốt truyện. - Phiếu học tập: phân tích nhân vật., vẽ sơ đồ cốt truyện. - Viết nhanh cảm nhận về một chi tiết đặc sắc trong truyện.
Bài 2: Vẻ đẹp của thơ ca	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện đặc điểm thơ trữ tình. - Cảm nhận hình ảnh và cảm xúc trong thơ. - Nhận biết, khác phục lỗi dùng từ trong câu. - Phân tích nghệ thuật ngôn từ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu một văn bản thơ. - Phiếu đọc hiểu hình tượng thơ. - Viết đoạn cảm nhận ngắn. - Thuyết trình về chủ đề, nét đặc sắc về nghệ thuật của một văn bản thơ .
Bài 3: Nghệ thuật thuyết phục trong văn bản nghị luận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết luận điểm, luận cứ.vai trò của lí lẽ,dẫn chứng - Phân tích cách lập luận. - Vận dụng viết đoạn nghị luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu; nhận diện luận điểm, vai trò các yếu tố trong lập luận.. - Phiếu học tập phân tích lập luận. - Thuyết trình: thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen. - Thảo luận nhóm.: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.
Bài 4: Sức sống của sử thi	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đặc điểm sử thi. - Phân tích hình tượng nhân vật sử thi. - Hiểu cách đánh dấu phần bị tỉnh lược, cách chú thích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: một số yếu tố của sử thi. - Vẽ sơ đồ nhân vật sử thi. - Viết đoạn văn có sử dụng tỉnh lược, cước chú.
Bài 5: Tích trò sân khấu dân gian	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đặc điểm sân khấu chèo, tuồng. - Nghiên cứu một vấn đề văn hóa truyền thống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: các yếu tố của sân khấu truyền thống. - Đóng vai nhân vật. - Thảo luận nhóm: lập đề

		cương về một vấn đề văn hóa truyền thống.
Bài 6: Nguyễn Trãi – “Dành còn để trợ dân này”	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu giá trị tư tưởng trong thơ văn Nguyễn Trãi. - Tạo văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. - Yêu cầu trong đối thoại, thảo luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: nội dung, nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi. - Đọc hiểu một số tác phẩm thơ của Nguyễn Trãi. - Bài về nhà viết về một vấn đề xã hội. - Thảo luận, thuyết trình về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.
Bài 7: Quyền năng của người kể chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các yếu tố của truyện. - Phân tích tình cảm, cảm hứng chủ đạo và ác giá trị của văn bản. - Hiểu và phân tích tác dụng phép liệt kê, chêm xen. - Viết văn bản phân tích chủ đề, nhân vật một tác phẩm truyện 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu qua phiếu học tập: các yếu tố của văn bản truyện - Đóng vai nhân vật. - Nhận biết, phân tích biện pháp chêm xen, liệt kê. - Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.
Bài 8: Thế giới đa dạng của thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đặc điểm văn bản thông tin. - Phân tích sự kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. - Viết được văn bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập: đọc hiểu văn bản thông tin. - Sơ đồ thông tin trong văn bản. - Thiết kế một bản hướng dẫn nơi công cộng, kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.
Bài 9: Hành trang cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết mối quan hệ giữa bối cảnh xã hội với quan điểm sống của con người.. - Viết được bài luận về bản thân 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập: quan điểm của tác giả qua hệ thống lí lẽ, dẫn chứng. - Bài về nhà: bài luận về bản thân. - Thuyết trình một vấn đề xã hội có kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

7.4. Minh họa tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên xuyên theo định hướng phát triển năng lực người học trong bài học

7.4.1 Minh họa qua kế hoạch bài dạy Muối của rừng - tiết 2

- Điều kiện thực hiện:

Kết hợp với phương pháp dạy học tìm hiểu, xây dựng nội dung bài mới (ở lớp) với bài tập về nhà

- Nội dung, hình thức thực hiện: Thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu nhân vật ông Diều (I) với vẽ sơ đồ về nhân vật ông Diều (II).
- Kết quả đánh giá: lấy điểm trung bình của phần (I)+ (II)

PHIẾU HỌC TẬP

MUỐI CỦA RỪNG

Tìm hiểu nhân vật ông Diều

Chặng hành trình	Hành động, tâm trạng của ông Diều
Bối cảnh đi săn	
Khi gặp đàn khỉ	
Khi bắn con khỉ đầu đàn	
Chứng kiến khỉ cái dìu khỉ đực chạy trốn	
Bị khỉ con lấy súng	
Chứng kiến cảnh ở Hõm Chết	
Cứu chữa cho khỉ đực	
Khỉ cái bám theo	
Phóng sinh cho khỉ đực	

Thực hiện yêu cầu sau:

- Điền biểu hiện hành động, tâm trạng của ông Diều theo bảng trên.
- Nguyên nhân ông Diều phóng sinh cho con khỉ đực

.....

- Nhận xét về diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Diều

.....

 - Rút ra thông điệp từ diễn biến tâm trạng đó.

Minh họa qua kế hoạch bài dạy Muối của rừng- tiết 2

Tiết 37, 38: ĐỌC- VĂN BẢN 2

MUỐI CỦA RỪNG

Nguyễn Huy Thiệp

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của một truyện ngắn hiện đại.
- HS hiểu được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kỳ ảo trong truyện ngắn hiện đại.

2. Về năng lực: HS biết đọc các thông tin ngoài văn bản và vận dụng khám phá văn bản.

3. Về phẩm chất: HS biết trân trọng cuộc sống và có tình yêu thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: bảng, máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, tư liệu về Nguyễn Huy Thiệp

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

3. Bài mới:

TIẾT 38

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc một truyện ngắn hiện đại có sự xen kẽ giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kỳ ảo.
- HS nhận biết và phân tích được diễn biến hành động và tâm lí của nhân vật.
- HS hiểu được giá trị và thông điệp của truyện ngắn đối với đời sống con người.
- HS biết trân trọng thiên nhiên từ đó có ý thức bảo vệ, thân thiện với thiên nhiên.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV

- HS làm việc cá nhân kết hợp với làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhân vật ông Diêu</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (4- 5 HS), phát phiếu học tập (Phụ lục 1) để HS thảo luận, thống nhất nội dung: Nhân vật ông Diêu: + Bối cảnh đi săn + Hành động khi đi săn + Diễn biến nội tâm + Nguyên nhân ông phóng sinh khỉ đực + Thông điệp cuộc sống qua nhân vật. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc nhóm, thảo luận</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, cả lớp theo dõi, nhận xét - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV chọn HS nhận xét chéo, chốt kiến thức</p> <p>Gv nhận xét, đánh giá qua bảng đánh giá (Phụ lục 2)</p>	<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN</p> <p>3. Nhân vật ông Diêu</p> <p>a. Bối cảnh đi săn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh: Thời gian (mùa xuân mồng và mìn); không gian (rừng bình thản, tĩnh lặng) - Trang phục: quần áo ấm, đội mũ lông, đi giày cao cổ. <p>b. Hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi tiếp cận đàn khỉ: ông lột mũ và áo lông - Bán con khỉ đực: Ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài; - Đuổi theo khỉ con - Bãng bó cho khỉ bố, tha chết cho nó và trở về nhà. <p>c. Diễn biến nội tâm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi bắn khỉ bố: “mỉm cười, chăm chú nhìn”, “thán phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó”, suy ngẫm “số phận bậc đế vương không trùng số phận ông”. - Tâm trạng đột ngột thay đổi khi có sự xuất hiện của con khỉ đầu đàn: tự tin, khinh địch đến ganh tị, tủi thân. - Sau khi bắn khỉ bố, “ông Diêu sợ hãi run lên, ông vừa làm điều ác”. Khi khỉ mẹ liều mình cứu khỉ bố, “Ông Diêu tức giận giương súng...căm ghét”. - Đuổi theo khỉ con để giành lại súng, chứng kiến khỉ con rơi xuống vực ông đã “tái mặt, toát mồ hôi như tắm...rùng

<p>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu yếu tố kì ảo trong truyện</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân + Chỉ ra các chi tiết kì ảo trong truyện + Ý nghĩa của các chi tiết kì ảo đó. <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ 	<p>mình”, một sự kinh hoàng sợ hãi. Ông quay lại tìm con khi bố bị bắn hạ và gặp cảnh “đôi mắt đờ dại nhìn ông khẩn cầu”, lúc này ông thấy thương hại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi công khi đực xuống núi, chứng kiến cảnh khỉ cái theo sát, “ông Diều thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng”. Đây chính là đỉnh cao của cảm xúc tình thương để ông quyết định “phóng sinh” khỉ bố. <p>d. Nguyên nhân ông Diều phóng sinh khỉ đực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách phản ứng của gia đình nhà khỉ đã cho thấy tình vợ chồng, tình cha con, sự đau xót, yêu thương của các thành viên trong gia đình nhà khỉ. - Bản chất con người trong ông Diều trở dậy với sự thấu hiểu, thương xót, quan tâm và chia sẻ. - Thiên nhiên đã dạy cho ông một bài học lớn: con người và sinh vật tự nhiên ngang bằng, bình đẳng như nhau. <p>e. Thông điệp cuộc sống qua nhân vật</p> <p>Giữa con người và thiên nhiên có mối qua hệ gắn bó mật thiết: chỉ khi nào con người nhận thức được ý nghĩa thực sự của cuộc sống, chọn đứng về phía cái thiện thì lúc đó thiên nhiên mới ban phát quà tặng cho con người.</p> <p>4. Yếu tố kì ảo trong truyện</p> <p>* Chi tiết kì ảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng?”; “tất cả như trong mộng寐”,... - Hoa muối của rừng xuất hiện cuối tác phẩm. <p>* Vai trò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo nên sự li kì, hấp dẫn cho truyện. - Thể hiện quan niệm của tác giả về thế giới tự nhiên và tâm linh.
--	--

B3. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	- Phản ánh những vấn đề đang diễn ra trong xã hội đương thời.
---	---

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm vững những nét khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên nêu câu hỏi về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh trình bày cá nhân khi được GV đặt câu hỏi</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung Qua câu chuyện đi săn của ông Diều nhà văn đặt ra vấn đề mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên: chính thiên nhiên đã trao cho con người bài học về cách chung sống hòa bình để đạt được sự bình an, phong túc.</p> <p>- Tích hợp tư tưởng, đạo đức lối sống: yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Xây dựng nhân vật và tình huống truyện “lạ hóa”, sử dụng yếu tố kỳ ảo tạo sức hấp dẫn cho truyện.</p> <p>- Giọng văn lạnh lùng, không sắc thái biểu cảm giúp đọc giả tự do phán xét nhân vật theo chủ kiến của mình.</p> <p>- Kết cấu truyện: theo dòng thời gian tuyến tính, kết thúc mở tạo chất thơ cho tác phẩm.</p>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

4. Củng cố:

- Những nét chính về tác giả Nguyễn Huy Thiệp

- Giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn *Muối của rừng*.

5. HDVN:

- Bài tập về nhà: Tóm tắt nội dung về nhân vật ông Diều bằng một trong các cách vẽ sơ đồ (đảm bảo yêu cầu theo phụ lục 3)

- Chuẩn bị bài học tiếp theo: Thực hành tiếng Việt.

Phụ lục 1 PHIẾU HỌC TẬP

MUỐI CỦA RỪNG

Tìm hiểu nhân vật ông Diều

(Xem bảng phiếu học tập ở trang 10, 11)

Phụ lục 2

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM PHIẾU HỌC TẬP VÀ TRÌNH BÀY THẢO LUẬN

Tiêu chí	0-4 điểm	5-7 điểm	8-10 điểm	Kết quả
1. Nội dung	Còn sơ sài.	Đạt 1/2 đến 2/3 nội dung yêu cầu.	Đảm bảo đúng, đủ nội dung yêu cầu.	
2. Hiệu quả làm nhóm	Các thành viên chưa gắn kết hiệu quả.	Các thành viên tương tác đối hiệu quả. Vẫn còn 1 thành viên chưa tham gia.	Hoạt động gắn kết, có sự đồng thuận và có ý sáng tạo. Toàn bộ thành viên tham gia hoạt động.	
3. Trình bày kết quả	Còn rời rạc, thiếu mạch lạc, giọng nói chưa rõ, khó nắm bắt nội dung.	Trình bày mạch lạc, nhưng giọng nói chưa thật rõ.	Trình bày mạch lạc, rõ ràng, giọng to rõ, dễ nắm bắt nội dung.	
Kết quả				= tổng (1+2+3)/ 3

Phụ lục 3

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM SƠ ĐỒ TƯ DUY NHÂN VẬT ÔNG DIỀU

Tiêu chí	0-4 điểm	5-7 điểm	8-10 điểm	Kết quả
----------	----------	----------	-----------	---------

	Câu trả, chưa khoa học	Trình bày khoa học, tương đối rõ ràng.	Trình bày khoa học, rõ ràng, đẹp, dễ theo dõi.	
--	---------------------------	---	--	--

7.4.2 Minh họa qua bài dạy

TIẾT 32 - NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận.
- Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể)
- Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

3. Về phẩm chất: Tôn trọng người đối thoại để tìm được tiếng nói chung trong cuộc thảo luận

Tích hợp tư tưởng đạo đức lối sống:

+ Tôn trọng người đối thoại.

+ Khi có thái độ phê phán, không đồng tình một vấn đề nào đó cần dựa trên tinh thần nào đức và tiên bộ xã hội nhưng cũng mạnh dạn nêu lên suy nghĩ cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
<p>1. HOẠT ĐỘNG 1: Dẫn vào bài</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế để học sinh có hứng thú với nội dung bài học</p> <p>b. Nội dung thực hiện:</p>	

GV phát vấn: em hãy cho biết những câu thơ câu ca dao nói về tình yêu			
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV đặt câu hỏi</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh suy nghĩ và trả lời</p> <p>Bước 3. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên dẫn dắt vào chủ đề của bài học: có nhiều quan niệm về tình yêu, nhất là tình yêu trong độ tuổi học đường.</p>	<p>Gợi ý đáp án</p> <p>Một số câu thơ, ca dao về tình yêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu nhau cởi áo trao nhau Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay. - Nắng mưa là bệnh của trời, Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng. 		
<p>2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động:</p> <p>Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận.</p> <p>Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể)</p> <p>Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định</p> <p>b. Nội dung thực hiện:</p> <p>Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng nêu quan điểm của bản thân và lập luận bảo vệ quan điểm đó.</p>			
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Những yêu cầu của hoạt động chuẩn bị thảo luận</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hành nói theo chủ đề</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức</p>	<p>1. Những yêu cầu của hoạt động chuẩn bị thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đề tài : Đề tài nói đã được thống nhất trong lớp trước khi tiết học diễn ra, đã có sự chuẩn bị - Tìm ý và sắp xếp ý + Đặt tên bài nói + Xác định và sắp xếp các ý - Xác định từ ngữ thêm chốt : sử dụng các cụm từ phù hợp. <p>2. Học sinh tiến hành thực hành nghe nói, nghe đảm bảo các yêu cầu</p> <table border="1" style="width: 100%; margin-top: 10px;"> <tr> <td style="width: 50%;">Người nói</td> <td style="width: 50%;">Người nghe</td> </tr> </table>	Người nói	Người nghe
Người nói	Người nghe		

	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý lắng nghe bài nói . - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình 	
<p>HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe</p> <p>b. Nội dung thực hiện</p> <p>HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo bảng tiêu chí chấm điểm.</p>			
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ: Tiến hành thảo luận một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau: Tình yêu tuổi học đường</p> <p>Để thực hiện hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên trong hoạt động nói và nghe giáo viên giao nhiệm vụ về cho lớp theo hai nhóm ý kiến trái chiều về vấn đề: đồng tình hay không đồng tình về Tình yêu tuổi học đường. Mỗi nhóm chuẩn bị những lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình.</p> <p>Chú ý thái độ tôn trọng người khác khi thảo luận. tinh thần cuộc thảo luận nhằm đưa ra cách nhìn nhận đúng đắn nhất về vấn đề.</p> <p>Để phát huy năng lực nói và nghe cho học sinh, giáo viên cần thông báo hình thức; gọi ngẫu nhiên bất kì hs ở nhóm nào, để các em có sự chuẩn bị về nội</p>	<p>Dàn ý tham khảo (định hướng những nội dung hs cần hướng đến khi thảo luận)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu tuổi học đường là tình cảm trong sáng hồn nhiên của các bạn trong độ tuổi đến trường. - Ý kiến đồng tình: Tình yêu tuổi học đường là tình cảm mang đến những giá trị tích cực: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp các bạn có thêm động lực trong học tập, để lại những kỉ niệm tốt đẹp, cần trân trọng, ủng hộ tình cảm đó. + Là những cung bậc tình cảm khó có thể tìm thấy ở những độ tuổi khác. - Ý kiến không đồng tình: <ul style="list-style-type: none"> + Tuổi học trò là lứa tuổi còn chưa có sự chín chắn trong suy nghĩ, nhất là trong chuyện tình cảm. 		

<p>dung và cả cách trình bày để bảo vệ cho ý kiến của mình.</p> <p>GV đưa bảng chấm để học sinh biết được yêu cầu của bài thảo luận.</p> <p>Giáo viên điều hành cuộc thảo luận, ghi chú lại một số cụm từ then chốt trong quan điểm trình bày của các học sinh lên bảng. Định hướng hs thảo luận xoay quanh vấn đề để phần thảo luận không đi quá xa vấn đề.</p> <p>HS chuẩn bị thảo luận theo nội dung đã chuẩn bị về đề tài: nêu quan điểm của em về vấn đề tình yêu trong độ tuổi học đường.</p> <p>Giáo viên gọi một học sinh đầu tiên trình bày bài chuẩn bị của mình theo một trong hai ý kiến về vấn đề, để từ đó gọi khởi nội dung cho các bạn cùng thảo luận.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hành nói – nghe theo nội dung đã chuẩn bị</p> <p>Bước 3. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Những tình cảm đó đa phần là tình cảm mang tính cảm tính, thiếu sâu sắc, dễ thay đổi khi các bạn thay đổi môi trường sống. + Môi quan hệ yêu đương trong độ tuổi này thường kéo theo nhiều hệ lụy không mong muốn, ảnh hưởng đến việc học của các bạn, có khi còn ảnh hưởng cả cuộc đời của các bạn. - Qua thảo luận cần chốt lại vấn đề: <ul style="list-style-type: none"> + Cần tôn trọng tình yêu ở bất cứ lứa tuổi nào. + Không lên án phản đối cũng như không khuyến khích, đề cao. + Cần tôn trọng nhau, cùng hướng tới mục đích tốt đẹp hơn.
---	--

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

PHỤ LỤC: BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM KẾT QUẢ TRÌNH BÀY THẢO LUẬN

Tiêu chí	0-4 điểm	5-7 điểm	8-10 điểm	Kết quả
1. Nội dung	Lý lẽ, lập luận, dẫn chứng còn sơ sài.	Lý lẽ, dẫn chứng chưa thật thuyết phục.	Lý lẽ, lập luận, dẫn chứng thuyết phục.	
2. Hình thức, thái độ trình bày	Trình bày chưa rõ ràng, chưa thể hiện	Trình bày tương đối mạch lạc, tự tin, thể hiện được quan điểm cá nhân.	Trình bày mạch lạc, rõ ràng, giọng điệu thuyết phục, tự tin thể	

	<p>được nội dung vấn đề.</p> <p>Chưa chú ý tôn trọng người khác khi thảo luận, không phản hồi lời người nói khi thảo luận</p>	<p>Có sự tôn trọng người khác khi thảo luận nhưng không phản hồi lời người nói khi thảo luận</p>	<p>hiện được quan điểm cá nhân.</p> <p>Có sự tôn trọng người khác khi thảo luận, biết cách. phản hồi lời người nói khi thảo luận</p>	
Kết quả				= tổng (1+2)/ 2

8. Tính mới của sáng kiến

Sáng kiến đã hệ thống một số hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên kết hợp với các hoạt động của kế hoạch bài dạy. Đa dạng hóa hình thức kiểm tra đánh giá, những hình thức này giúp giáo viên đánh giá học sinh từ kiến thức, kỹ năng đến vận dụng sáng tạo từ đó dễ dàng theo dõi hoạt động học tập của học sinh để có sự hướng dẫn kịp thời trong quá trình dạy học.

Tăng tính chủ động, sáng tạo cho học sinh, tạo điều kiện theo dõi khích lệ sự nỗ lực cố gắng và ghi nhận sự tiến bộ của học sinh. Sáng kiến khuyến khích học sinh tham gia vào quá trình đánh giá thông qua các hình thức như tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Điều này không chỉ giúp học sinh nhận ra điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân mà còn góp phần phát triển năng lực tự học và tinh thần trách nhiệm trong học tập.

Sáng kiến xây dựng các bảng tiêu chí đánh giá, phiếu học tập, bảng kiểm để hỗ trợ giáo viên trong quá trình kiểm tra, đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được thiết kế rõ ràng, minh bạch, giúp học sinh hiểu được yêu cầu cần đạt và chủ động hơn trong quá trình học tập

Các nhiệm vụ đánh giá trong sáng kiến được thiết kế gắn với những tình huống học tập cụ thể và gần gũi với thực tiễn, giúp học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

9. Khả năng áp dụng của sáng kiến

Các hình thức của sáng kiến dễ dàng áp dụng ở môn Ngữ văn của các khối lớp ở các trường THPT, đáp ứng quá trình đổi mới căn bản và toàn diện của giáo dục, trong đó chú trọng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh.

10. Đánh giá lợi ích thu được

Khi áp dụng sáng kiến, các hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên có sự thay đổi phong phú. Học sinh chủ động và tích cực hơn trong các hoạt động của bài học. Trong các hoạt động nhóm không còn tình trạng chỉ vài học sinh đứng ra

thực hiện công việc. Học sinh có nhiều cơ hội cải thiện kết quả học tập của mình. Các năng lực đọc, viết, nói nghe được cải thiện hơn nhiều.

So sánh kết quả điểm kiểm tra giữa học kì I với kết quả điểm kiểm tra cuối học kì I năm học 2025- 2026 của lớp 10/6,10/8 và 12/6 là những lớp tôi đang giảng dạy.

BẢNG SO SÁNH
KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I VỚI CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025- 2026

Lớp	Thời gian	Số sĩ	Kết quả									
			Điểm <3,5		3,5 <= Điểm < 5		5 <= Điểm < 6,5		6,5 <= Điểm < 8		Điểm = > 8	
			SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL%
10/6	GK I	35	1	2,86	6	17, 14	15	42,86	8	22,86	5	14,29
	CKI	35	1	2,86	2	5,71	14	40,00	15	42,86	3	8.57
10.8	GKI	43	4	9,30	11	25,58	17	39,53	9	20,93	2	4,65
	CKI	43	0	0	9	20,93	16	37,21	11	25,57	7	16,28
12/6	GKI	39	1	2,56	4	10,26	13	33,33	13	33,33	8	20,51
	CKI	39	1	2,56	4	10,26	19	25,64	16	41,03	8	20,51

Nhìn vào bảng so sánh trên ta thấy kết quả điểm kiểm tra giữa kì và cuối kì cũng có sự thay đổi ở các lớp. Số lượng học sinh có kết quả kiểm tra đạt trung bình trở lên ở cuối kì cao hơn so với giữa kì. Số lượng học sinh có kết quả điểm kiểm tra dưới trung bình ít hơn. Kết quả đó chứng tỏ chất lượng tiết học hiệu quả hơn cũng như việc kiểm tra đánh giá thường xuyên theo hướng phát triển năng lực học sinh phát huy được hiệu quả hơn.

11. Những thông tin cần được bảo mật: Không có

MỤC XÁC NHẬN NỘP ĐƠN

Xác nhận của đơn vị nơi công tác, ngày tháng... năm ...
về việc tác giả tham gia
tạo ra sáng kiến

Tác giả sáng kiến nộp đơn

PHỤ LỤC

MỘT SỐ HÌNH ẢNH ÁP DỤNG SÁNG KIẾN



Thuyết trình Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ



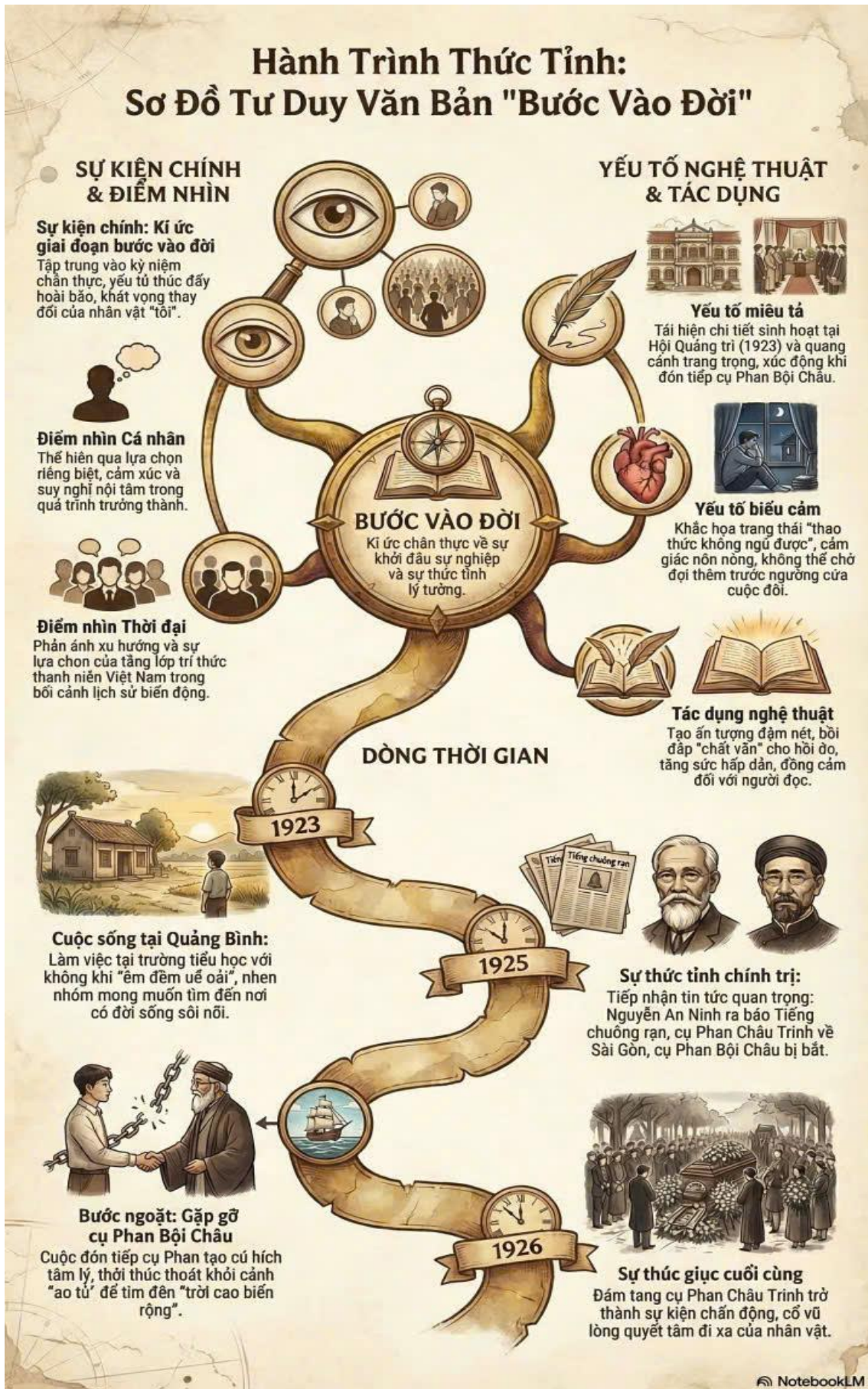
Tương tác trong trình bày Dự án Tìm hiểu thơ Hồ Chí Minh



Đóng vai nhân vật- văn bản Huyện đường



Đóng vai nhân vật - văn bản Người cầm quyền khôi phục uy quyền



Sơ đồ tư duy hành trình Bước vào đời của nhân vật tôi (sử dụng công nghệ số)

2 Trang trong

THƯ CẢM ƠN

Xin trân trọng chào quý bậc phụ huynh của tập thể 12/16! Em tên là Huỳnh Trần L. T. Em xin đại diện tập thể lớp 12/16 gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến các bậc phụ huynh đã quan tâm, hỗ trợ, ủng hộ cho việc hoàn thiện lễ hội và các hoạt vui chơi giải trí khác trong hội trại. Nhờ sự tận tình của hội phụ huynh mà lớp đã đạt nhiều thành quả nổi bật, đặc biệt trong các hoạt động chăm lễ hội, văn nghệ và các hoạt động sinh hoạt khác. Đặc biệt là giải nhất toàn trường. Là niềm tự hào to lớn của tập thể lớp.

Nhà cuối cùng là Em xin chân thành cảm ơn quý bậc phụ huynh của tập thể lớp 12/16.

Thực hành viết: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

